



Mẫu biểu số 54/NĐ31

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO MLNS NĂM 2025
Ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐND phường Hội An Tây ngày 30/3/2026

STT		Tên đơn vị	Dự toán 2025																	Quyết toán 2025										Đơn vị tính: Triệu đồng				
			Tổng cộng Dự toán	Chi ĐT phát triển (không kể CTMT QG)	Chi TX (không kể CTMT QG)	Chi dự phòng	Tổng số	Chi CTMTQG				Tổng chi (không kể CTMT QG)	Chi ĐT phát triển (không kể CTMT QG)	Chi dự phòng	Chi CTMTQG				Chi chuyển nguồn	Hủy dự toán về NS huyện	Nộp trả NS cấp trên	Tăng chi	Chi ĐT	Chi TX	Chi CTMT-QG									
								Chi ĐT phát triển	Chi TX	Tổng số	Chi ĐT				Chi TX	Tổng số	Chi ĐT phát triển	Chi TX								Tổng số								
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21												
I	Các cơ quan tổ chức	261,739	28,805	228,314		4,620	1,287	3,333	259,337	23,164	180,649		2,526	552	1,973	51,995	1,002		0,99	0,80	0,79	0,55												
1	Phường Hội An Tây	261,739	28,805	228,314		4,620	1,287	3,333	259,337	23,164	180,649		2,526	552	1,973	51,995	1,002		0,99	0,80	0,79	0,55												
	Trường Tiểu học Bùi Chát (1011060)	9,427		9,427					9,417	0	9,287		0	0	0	130			1,00			0,99												
	Trường Mẫu giáo Cẩm Hà (1011063)	3,802		3,802					3,796	0	3,796		0	0	0				1,00			1,00												
	Trường Mẫu giáo Thanh Hà (1011303)	5,243		5,243					5,214	0	5,176		0	0	0	38			0,99			0,99												
	Trường Tiểu học Cẩm An (1011306)	6,987		6,987					7,020	0	6,987		0	0	0	33			1,00			1,00												
	Trường Tiểu học Lê Đức (1011307)	7,396		7,396					7,396	0	7,396		0	0	0				1,00			1,00												
	Trường Mẫu giáo Cẩm An (1011311)	2,905		2,905					2,905	0	2,879		0	0	0	26			1,00			0,99												
	Trường Mẫu giáo Tân An (1011314)	3,724		3,724					3,676	0	3,676		0	0	0				0,99			0,99												
	Trường THCS Chu Văn An (1068087)	9,462		9,462					9,443	0	9,443		0	0	0				1,00			1,00												
	Trường Tiểu học Lương Thế Vinh (1068093)	8,542		8,542					8,542	0	8,542		0	0	0				1,00			1,00												
	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm (1072215)	12,869		12,869					12,860	0	12,860		0	0	0				1,00			1,00												
	Trường THCS Phan Bội Châu (1072214)	8,700		8,700					8,700	0	8,700		0		0				1,00			1,00												
	Văn phòng Hội đồng nhân dân và UBND phường Hội An Tây (145266)	9,967		9,967					9,660	0	8,094		0	0	0	1,566			0,97			0,81												
	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Hội An Tây (1146325)	4,294		4,294					4,202	0	4,138		0	0	0	64			0,98			0,96												
	Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Hội An Tây (1148713)	1,526		1,526					1,384	0	1,290		0	0	0	94			0,91			0,85												
	Phòng Văn hóa - Xã hội phường Hội An Tây (1148714)	48,425		46,514		1,911		1,911	47,481	0	37,186		1,357	0	1,357	8,938			0,98			0,80												
	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị phường Hội An Tây (1148715)	77,313		75,891		1,422		1,422	76,581	0	42,957		616	0	616	33,008			0,99			0,57												
	Trung tâm Công tác dịch vụ sự nghiệp công phường Hội An Tây (1153056)	4,356		4,356					4,257	0	2,303		0	0	0	1,953			0,98			0,53												
	Văn phòng Đoàn ủy phường Hội An Tây (1144916)	6,121		6,121					6,121		5,709		0			362	50		1,00			0,93												
	Các đơn vị khác	587		587					587		228		0	0		359			1,00															
	Cánh quan mới trường nông thôn (Điền chiến sáng) (7780539)	154	154						154	120	0		0	0	0		34		1,00		0,78													

[illegible]

	Công trình: Nâng cấp tuyến đường từ đường Rút đến tổ 16 Đồng Nà (8158026)	600	600							600	600	0	0	0	0			1.00	1.00		
	Hệ thống điện trung tải Làng Sớm Thanh Hà (8158028)	1.130	1.130							1.130	861	0	0	0	0	269		1.00	0.76		
	Đèn tu hệ thống chiếu sáng nước nội bộ Làng rau Trà Quế (Ấm riển) (8168523)	1.100						1.100	1.100	1.100	0	0	0	365	365	0	735	1.00			0.33
	Nâng cấp tuyến Cồn Pù - Bến Tré (8141262)	500	500							500							500	1.00	0.00		
	Nâng cấp các tuyến ĐBT tại tổ 19, Bùn Cỏ (8143092)	350	350							350							350	1.00	0.00		
	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường bê tông và xấp xỉ công nghiệp; Hệ thống nước cấp hệ thống và hệ và công thoát nước tuyến đường Nguyễn Phan Tinh (8006054)	2.693	2.693							2.693							2.693	1.00	0.00		
	Cải tạo, nâng cấp chợ An Bang (8167134)	588	588							588							588	1.00	0.00		
II	Dự phòng ngân sách																				
III	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới										0	0	0	0	0						
IV	Chi nộp trả ngân sách cấp trên									3.479	952	1.035	927	0	927			564			
V	Chi chuyển nguồn ngân sách năm sau									49.311	0	0	0	0	0	49.311					

100